TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 952/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 28-10-2019
V/v Ly hôn và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày ngày 21/10; 25/10 và ngày 28/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2018/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 643/2018/HNGĐ-ST ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4366/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 23/9/2019 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 9151/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 3, phường B, Quận 7, Thành phố M.

Bị đơn: Ông Hoàng Hải T, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 3, phường B, Quận 7, Thành phố M.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Cao Thị L - Luật sư Văn phòng luật sư Trần Văn Việt và Cộng sự - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1936

Địa chỉ: 15/63 đường Võ Duy Ninh, Phường 22, quận B, Thành phố M (Vắng mặt).

2/ Bà Lâm Thị Kim H, sinh năm 1946 (vắng mặt).

Địa chỉ: 132/8D Ông Ích Khiêm, Phường N, Quận T, Thành phố M.

Người làm chứng;

1/ Ông Đỗ Duy L, sinh năm 1973

` Địa chỉ: 62/8 Lâm Văn Bền, Tổ 19, Khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố M (vắng mặt).

2/ Ông Huỳnh P, sinh năm 1962

Địa chỉ: 60/1/12 Lâm Văn Bền, Khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố M (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan T trình bày:

Bà và ông Hoàng Hải T qua thời gian tìm hiểu 02 năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2002 ngày 10/9/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 7 năm thì mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến con cái, tiền bạc, tính toán chi li với vợ con. Con bệnh không một lời hỏi thăm, chăm sóc. Không ngó ngàng gì đến việc học tập của con. Đối với vợ thì tính toán, nhà hư vợ sửa, bị bệnh thì tự đi khám bệnh, Ông T luôn nghe lời mẹ và coi vợ con lúc nào cũng có lỗi. Vợ chồng đã sống ly thân gần mười năm: lần 1 khi con đầu được 3 tuổi ly thân gần 4 năm, lần 2 khi sinh con thứ 2, ly thân từ 2012 đến nay.

Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông T

Về con chung: Bà xác định có 02 con chung:

- Hoàng Đức T(Nam), sinh ngày 15/2/2004
- Hoàng Ngọc Bảo C (Nữ), sinh ngày 21/01/2012

Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ T, C và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho hai trẻ.

Về tài sản chung: bà yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà sẽ trình bày khi có yêu cầu khởi kiện

Tại bản khai ngày 08/9/2017 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Hải T bị đơn trình bày:

Vợ chồng sống hạnh phúc được 12 năm ông thấy giữa hai vợ chồng mâu thuẫn không nặng nề, nguyên nhân chính ông cho là do mẹ ông – bà Hoàng Thị K hỏi về số nợ vợ chồng đã mượn lúc xây nhà năm 2002. Ông vẫn hết lòng yêu thương vợ con, nếu còn thiếu sót ông sẽ sửa chữa, vì tương lai hai con nên ông yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Ông xác định có 02 con:

- Hoàng Đức T(Nam), sinh ngày 15/2/2004

- Hoàng Ngọc Bảo C(Nữ), sinh ngày 21/01/2012

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ T và C, không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Hiện nay bà T không có công việc và thu nhập ổn định, không đảm bảo cho việc nuôi 02 trẻ T và C. Ông có công việc, thu nhập ổn định và hoàn toàn chăm sóc tốt cho hai trẻ.

* Tại đơn phản tố của bị đơn yêu cầu đối với 02 tài sản chung là:

- Căn nhà và đất tại số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Tphành phố Hồ Chí Minh có giá trị 1.943.013.600 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất tại 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 1.768.800.000 đồng

Ông yêu cầu chia đôi tài sản. đối với căn nhà số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là nhà 502/68) ông yêu cầu nhận nhà và giao lại 50% giá trị nhà cho bà T.

Đối với giá trị quyền sử dụng đất tại 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là nhà 35/19A) ông yêu cầu được chia 50% giá trị là quyền sử dụng đất (không tranh chấp nhà). Khi bán bà T đã đưa cho ông 100.000.000 đồng , đề nghị bà T giao thêm cho ông 784.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản ông yêu cầu được chia tương đương 1.755.906.800 đồng.

Nợ chung ông T khai: Ông và bà T còn thiếu nợ bà Hoàng Thị K 04 (bốn) lượng vàng SJC ông yêu cầu bà T cùng ông, mỗi người có trách nhiệm trả ½ nợ cho bà K.

Bà T khai: Bà có vay của mẹ ruột tên Lâm Thị Kim H 12 lượng vàng SJC, bà yêu cầu để hai bên tự giải quyết.

Tại bản khai ngày 19/9/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị K trình bày:

Năm 2002 bà có cho các con T, T vay 18 lượng vàng SJC không có lãi, không giấy nợ, không thế chấp. Sau khi cho vay bà T , ông T đã trả được 14 lượng vàng SJC, còn nợ lại 4 lượng vàng SJC. Bà yêu cầu bà T, ông T trả lại

số vàng này cho bà trong vụ án khác. Do sức khỏe yếu bà yêu cầu được vắng mặt tại các buổi kiểm tra chứng cứ, hòa giải, xét xử của Tòa án.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Kim H trình bày:

Bà có đưa bà T mượn 12 lượng vàng mục đích để bà T xây nhà. Khi đưa bà có dặn bà T về nói ông T nhưng bà T có nói hay không thì bà không biết. Do là mẹ con nên không có giấy tờ, không tính lãi. Cách nay 02 năm bà T có trả cho bà 400.000.000 đồng, số tiền này chưa đủ 12 lượng vàng, hiện còn thiếu khoảng 1, 5 lượng vàng. Bà không có yêu cầu gì với số vàng còn thiếu này. Do sức khỏe bà yêu cầu được vắng mặt tại các buổi kiểm tra chứng cứ, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 643/2018/HNGĐ-ST ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 59 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 bộ luật dân sự; Điều 26 luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Lan T và ông Hoàng Hải T.

Về con chung: ông T, bà T có 02 con chung tên Hoàng Đức T(nam), sinh ngày 15/02/2004 và Hoàng Ngọc Bảo C(nữ), sinh ngày 21/01/2012.

Giao 02 trẻ Hoàng Đức T và Hoàng Ngọc Bảo C cho bà Nguyễn Thị Lan T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Hoàng Hải T cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/tháng/trẻ.

Về tài sản chung:

Công nhận tài sản chung của ông Hoàng Hải T và bà Nguyễn Thị Lan T tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân là nhà và đất tại số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 57 (P.BT) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 01911/2009 ngày 28/7/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Hoàng Hải T và bà Nguyễn Thị Lan T; Số tiền trị giá phần đất tại 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Duy L theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00001339/HĐGD ngày 20/01/2017 do Văn phòng Công chứng Tân Thuận chứng nhận, theo kết quả định giá ngày 20/6/2018 thì giá trị đất là 1.768.800.000 đồng.

Giao cho ông Hoàng Hải T được sở hữu căn nhà số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tọa lạc tại thửa số 11, tờ bản đồ số 57 (P.BT) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 01911/2009 ngày 28/7/2009 do Ủy

ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Hoàng Hải T và bà Nguyễn Thị Lan T.

Ông T được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền làm thủ tục hợp pháp hóa nhà (sang tên cá nhân ông T) và tuân thủ mọi nghĩa vụ về tài chính và các quy định khác của Nhà nước về quản lý đất đai, thông hành địa dịch.

Ông Hoàng Hải T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Lan T 50% giá trị nhà 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thi hành án.

Bà Nguyễn Thị Lan T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hoàng Hải T số tiền 784.400.000 đồng là tiền chia tài sản chung phần đất tại 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và giao trả ông T toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 01911/2009 ngày 28/7/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Hoàng Hải T và bà Nguyễn Thị Lan T.

Việc thi hành giao tiền và giao nhà ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về nợ chung: Đối với bà H và bà K do không có đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi bà Hoàng Thị K và bà Lâm Thị Kim H có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/10/2018, bà Nguyễn Thị Lan T kháng cáo bản án sơ thẩm số 643/2018/HNGĐ-ST ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về tài sản có nội dung:

Đối với tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 502/68 Huỳnh Tấn Phát, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bà đồng ý giao cho ông Hoàng Hải T được sở hữu căn nhà số trên, ông T đưa lại cho bà số tiền 2/3 giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất vào thời điểm thi hành án để mẹ con bà có điều kiện tìm nơi cư ngụ khác.

Đối với quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 35/19A Nguyễn Văn Qùy, khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bà không đồng ý giao cho ông T số tiền nào có liên quan đến căn nhà trên vì tài sản này đã không còn ở thời điểm giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan T không rút kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về phần tài sản như sau:

Đối với quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, do có khó khăn về nhà ở sau khi ly hôn. Nhằm đảm bảo duy trì ổn định cuộc sống

bà xin được nhận nhà để ở cùng 02 con chưa thành niên. Bà đồng ý giao cho ông T 50% giá trị tài sản tại thời điểm thi hành án.

Đối với giá trị quyền sử dụng đất tại 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đây là tài sản có trong thời kỳ hôn nhân nhưng đã được bán từ tháng 12/2016. Trong thời gian này do đã nghỉ việc nên bà đã dùng số tiền này chi dùng vào sinh hoạt thiết yếu của gia đình bao gồm các khoản phí tiêu dùng sinh hoạt hàng ngày, tiền học và tiền khám chữa bệnh cho bà và các con. Sau khi đã trừ tiền đóng góp mỗi tháng 4.000.000 đồng mà ông T đã đưa cùng số tiền điện nước hàng tháng ông T đã đóng, còn lại số tiền cần phải chi 01 tháng là 20 triệu đồng. Ngoài ra còn có tiền mua xe cho con sử dụng, tiền chi phí khi giao dịch bán nhà và đất tại số 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là 40.000.000 đồng. Đối với số tiền mua xe cho bà sử dụng, tiền ma chay, tiền đã trả nợ cho mẹ ruột của bà bà không yêu cầu xem xét.

Ông Hoàng Hải T trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, ông cũng đồng ý chia sẻ cùng bà T về khoản tiền chi phí thiết yếu trong gia đình. Nhưng theo ông số tiền này chỉ khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Sau khi đã trừ nghĩa vụ đóng góp của mỗi bên số tiền chênh lệch phải chi là 5.000.000 đồng/tháng và số tiền 25.000.000 đồng mua xe cho con sử dụng sau này.

Ông thống nhất với bà T giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm định giá là tiền dùng để tính án phí. Ông cho rằng giá trị nhà và đất số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có giá cao hơn so với giá đã định tại cấp sơ thẩm vì vậy ông đồng ý giao cho bà T 50% giá trị căn nhà nói trên tại thời điểm thi hành án.

Người bảo về quyền, lợi ích hợp pháp của bị bị đơn trình bày:

Đối với căn nhà số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T có nhu cầu về nhà ở, bà T không có nhu cầu nhà ở tại cấp sơ thẩm đã giao căn nhà trên cho ông T. Mặt khác nguồn gốc đất nói trên là của bà Hoàng Thị K là mẹ của ông T giúp đỡ để mua. Do đõ, đề nghị Hội đồng xét xử giao căn nhà nói trên cho ông T là phù hợp. Đồng thời, ông T sẽ giao cho bà T 50% giá trị căn nhà tại thời điểm thi hành án.

Đối với giá trị quyền sử dụng đất tại 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bà T cũng đã liệt kê chi tiết các khoản chi sau khi bán nhà, việc ông T cho rằng chi phí trong gia đình chỉ với mức 15.000.000 đồng/tháng sau khi trừ nghĩa vụ đóng góp của hai bên thì số tiền chi vào tiền bán nhà là 5.000.000 đồng/tháng là hợp lý. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự đồng ý của ông T về số tiền 25 triệu đã mua xe Wave cho con sử dụng sau này.

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm và xem xét giải quyết như ý kiến trình bày của ông T tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 286, 290, 292 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về hình thức kháng cáo*:* Ngày 24/9/2018, Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử và tuyên án. Ngày 03/10/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 643/2018/HNGĐ-ST ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, kháng cáo thực hiện trong hạn luật định nên có cơ sở chấp nhận.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lan T: Kháng cáo một phần về việc chia tài sản chung của bản án sơ thẩm số 643/2018/HNGĐ-ST ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối với căn nhà và đất số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản định giá tài sản số 03/01/2018 có giá trị 1.943.013.600 đồng. Ông T yêu cầu được nhận nhà và giao lại ½ giá trị nhà và đất cho bà T. Bà T yêu cầu được chia theo công sức đóng góp, phần bà T là 2/3 giá trị nhà đất do bà T có công sức đóng góp lớn hơn. Xét, đối với tài sản này bà T ông T có công sức đóng góp ngang nhau trong việc tạo lập tài sản chung là căn nhà và đất tại số 502/68 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, TP.HCM nên mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản.

Ngày 03/10/2019, bà T có đơn kháng cáo yêu cầu được nhận 2/3 giá trị nhà đất, đồng ý giao cho ông T sở hữu căn nhà trên. tại phiên tòa phúc thẩm bà T yêu cầu được sở hữu căn nhà tại số 502/68 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, quận 7, đồng ý hoàn trả cho ông T ½ giá trị nhà đất. Xét thấy, theo đơn kháng cáo ngày 03/10/2019, bà T chỉ kháng cáo giá trị nhà đất được nhận, không kháng cáo về phần sở hữu nhà. Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà T không có nguyện vọng sống trong căn nhà này, đồng ý giao cho ông T được sở hữu căn nhà trên. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên

giao cho ông T được sở hữu, sử dụng nhà đất nêu trên và ông T có trách nhiệm trả lại cho bà T ½ giá trị nhà là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tuyên phần giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ trên là thiếu sót chưa đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/10/2019, ông T, bà T thỏa thuận thống nhất với nhau về việc khi một trong hai bên được nhận nhà và đất số 502/68 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, quận 7 thì bên còn lại sẽ hoàn lại cho bên kia 50% giá trị nhà đất trên theo giá thị trường tại thời điểm thi hành án. Đồng thời, cả hai thống nhất lấy giá trị tiền theo định giá tại cấp sơ thẩm làm cơ sở để tính án phí. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Đối với quyền sử đất tại địa chỉ số 35/19A Nguyễn Văn Quỳ, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM. Ông T chỉ tranh chấp giá trị quyền sử dụng đất, không tranh chấp quyền sở hữu nhà. Theo biên bản định giá tài sản ngày 20/6/2018 giá trị quyền sử dụng đất trên tại thời điểm tháng 12/2016, đầu năm 2017 có giá trị 1.768.800.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T đồng ý chia ½ số tiền mà bà đã nhận từ việc bán căn nhà trên. Theo đơn kháng cáo bổ sung ngày 08/11/2018, bà T liệt kê chi phí phát sinh bà dùng tiền bán căn nhà trên để chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình. Do ông T chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm định giá phần giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm bán căn nhà trên để xác định giá trị tài sản chung và bà T phải hoàn trả lại cho ông T 50% giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm bán căn nhà mà Tòa án cấp sơ thẩm đã định giá là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến mức chi phí sinh hoạt trong gia đình mà bà T đã dùng từ tiền bán căn nhà để trừ vào số tiền bán nhà trên là thiếu sót ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày bà đã dùng số tiền bán căn nhà trên để chi phí sinh hoạt chung trong gia đình bình quân mỗi tháng từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Ông T cho rằng chi tiêu chi phí sinh hoạt chung trong gia đình mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng. Xét thấy, mức chi phí 20.000.000 đồng/tháng là phù hợp với thực tế cho sinh hoạt của 04 người, ông T đã chi 5.000.000 đồng cho sinh hoạt chung trong gia đình nên số tiền 15.000.000 đồng bà T chi cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình được trừ vào số tiền bán nhà được tính từ thời điểm bán nhà cho đến khi xét xử sơ thẩm là có cơ sở.

Ngoài ra ông T đồng ý trừ số tiền 25.000.000 đồng vào tiền bán nhà trên là tiền bà T dùng mua xe cho con nên ghi nhận sự tự nguyện của ông T.

Bởi các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan T;

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 643/2018/HNGĐ-ST ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân quận 7.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về hình thức : Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lan T làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271 ; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo các vấn đề khác không có kháng cáo Cấp phúc thẩm không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về áp dụng pháp luật về nội dung:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2002 ngày 10/9/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Nhận định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Lan T và ông Hoàng Hải T là hôn nhân hợp pháp; có 02 con chung tên Hoàng Đức T, sinh ngày 15/2/2004 và Hoàng Ngọc Bảo C, sinh ngày 21/01/2012.

Về các tài sản mà bà Nguyễn Thị Lan T và ông Hoàng Hải T tranh chấp.

1/ Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Giá trị quyền sử dụng đất tại số 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lan T Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về chỗ ở: Bà T và ông T xác định quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 502/68 Huỳnh Tấn phát, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung và là chỗ ở duy nhất của vợ chồng. Sau khi ly hôn cả hai đều có nhu cầu nhận nhà để ở. Tại cấp phúc thẩm bà T thay đổi yêu cầu kháng cáo là xin được nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất 502/68 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để ở cùng 02 con và đồng ý giao lại cho ông Hoàng Hải T 50% giá trị tài sản trên tại thời điểm thi hành án. Xét yêu cầu của bà T tại phiên tòa phúc thẩm không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu vì vẫn là kháng cáo về quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nói trên nên có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét tại cấp phúc thẩm.

Xét thấy, tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 01911/2009 ngày 28/7/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Hoàng Hải T và bà Nguyễn Thị Lan T thuộc thửa đất số 11 tờ

bản đồ số 57, có diện tích nhỏ (ngang 4m, dài 11m) không đảm bảo ngăn nhà làm hai cho cả 02 bên. Do vậy không thể chia được bằng hiện vật.

Căn cứ vào biên bản xác minh của Công an phường Bình Thuận, Quận 7 ngày 07/10/2019 (về việc cư trú của các thành viên trong gia đình của ông T và bà T hiện có 04 thành viên (ông bà và 02 con) đang ở trong căn nhà này, không còn người nào khác). Nhằm để ổn định nơi sinh hoạt, học tập cần thiết phải duy trì nơi ở để không ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của các con. Vì vậy, để bảo về quyền, lợi ích hợp pháp của vợ và con chưa thành niên. Căn cứ điểm 6 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho bà T, trực tiếp nuôi 02 con (T, C) chưa thành niên nhận hiện vật là căn nhà 502/68 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T phải thanh toán cho ông T 50% giá trị tương ứng với phần tài sản được chia để ông T tìm nơi ở khác. Số tiền được nhận theo giá tại thời điểm thi hành án.

2/ Về quyền sử dụng đất số 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã bán vào tháng 12/2016. Theo định giá số tiền tương ứng là 1.768.800.000 đồng. Bà T khai từ năm 2005 bà và ông T sống ly thân và không còn quan tâm đến kinh tế của nhau, ông T có góp số tiền 4.000.000 đồng/tháng để phụ giúp bà trong việc nuôi con và chi phí sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên, trong thời gian qua do bà không còn đi làm nên bà đã sử dụng số tiền bán nhà đất trên để sử dụng cho các chi phí sinh hoạt nuôi con, trả nợ và chi phí khác trong gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, về chi phí thiết yếu cho một gia đình khi xem xét cần đảm bảo duy trì ổn định cuộc sống của họ. nhưng phải phù hợp với hoàn cảnh thực tế của gia đình. Trong vụ án này gia đình bà T hiện đang sinh sống trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nên cho phí sinh hoạt có phần cao hơn các địa bàn khác. Do đó, việc bà T nêu số tiền cần thiết để chi sinh hoạt cho gia đình từ 25-30 triệu đồng/1 tháng là có cơ sở. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng cân đối điều kiện chi căn cứ phù hợp với công sức tạo lập nên khối tài sản để xem xét. Do vậy, số tiền cần thiết phải chi sau khi trừ số tiền đóng góp của ông T hàng tháng thực tế phải có là 20.000.000 đồng được tính với thời gian là 21 tháng (từ tháng 12/2016 đến 9/2018). Tổng cộng là 420.000.000 đồng bà T và ông T có trách nhiệm chịu 50% số tiền nói trên là phù hợp.

Ghi nhận sự thống nhất của ông T về số tiền mua xe cho con là 25.000.000 đồng.

Về chi phí khi giao dịch bán nhà đất tại số 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là 40.000.000 đồng Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Như vậy, trị giá quyền sử dụng đất tại số 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.768.800.000 đồng – 485.000.000 đồng (bao gồm chi phí sinh hoạt, chi phí

mua xe và chi phi giao dịch nhà đất nói trên) = 1.283.800.000 đồng.bà T và ông T mỗi người được nhận 50% giá trị tài sản là 641.900.000 đồng/1 người. Ông T đã nhận của bà T 100.000.000 đồng, bà T có trách nhiệm phải đưa lại cho ông T số tiền 541.900.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm ông T và bà T đều không có yêu cầu định giá lại, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lan T. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

Về án phí: Các đương sự chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản được nhận.

Về án phí phúc thẩm : Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Những nội dung khác của bán án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Điều 293. Điều 300; Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 59 luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm 6 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TT LT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Căn cứ luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lan T.

2. Sửa bản án sơ thẩm 643/2018/HNGĐ-ST ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Lan T và ông Hoàng Hải T (giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2002 ngày 10/9/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Phú Nhuận cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung:

Ông T, bà T có 02 con chung tên Hoàng Đức T(nam), sinh ngày 15/02/2004 và Hoàng Ngọc Bảo C(nữ), sinh ngày 21/01/2012.

Giao 02 trẻ Hoàng Đức Tvà Hoàng Ngọc Bảo Ccho bà Nguyễn Thị Lan T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Hoàng Hải T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/trẻ (hai triệu đồng/tháng/trẻ).

Thi hành vào ngày 30 (ba mươi) dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 30/10/2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng thoe quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Hoàng Hải T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông T chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Tài sản chung:

Công nhận tài sản chung của ông Hoàng Hải T và bà Nguyễn Thị Lan T tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân là nhà và đất tại số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 57 (P.BT) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 01911/2009 ngày 28/7/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Hoàng Hải T và bà Nguyễn Thị Lan T; Số tiền trị giá phần đất tại 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Duy L theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00001339/HĐGD ngày 20/01/2017 do Văn phòng Công chứng Tân Thuận chứng nhận, theo kết quả định giá ngày 20/6/2018 thì giá trị đất là 1.768.800.000 đồng.

3.1. Đối với quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao cho bà Nguyễn Thị Lan T được sở hữu quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 57 (P.BT)) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 01911/2009 ngày 28/7/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Hoàng Hải T và bà Nguyễn Thị Lan T.

Bà Nguyễn Thị Lan T có nghĩa vụ giao cho ông Hoàng Hải T 50% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thi hành án. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bà T có quyền liên hệ với cơ

quan chức năng có thẩm quyền làm thủ tục hợp thức hóa nhà (sang tên cá nhân bà T) và tuân thủ mọi nghĩa vụ về tài chính và các quy định khác của nhà nước về quản lý đất đai, thông hành địa dịch.

Buộc ông Hoàng Hải T giao quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất 502/68 đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Lan T. Việc giao tiền và giao nhà được thi hành cùng lúc với việc bà T thanh toán 50% giá trị nhà và đất tương ứng với phần tài sản được chia của ông T tại thời điểm thi hành án.

Kể từ ngày ông Hoàng Hải T có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bà T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lái suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3.2. Đối với quyền sử dụng đất tại 35/19A đường Nguyễn Văn Qùy, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Nguyễn Thị Lan T có nghĩa vụ giao cho ông Hoàng Hải T số tiền 541.900.000 (năm trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Lan T phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp tại biên lai số AA/2017/0024182 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ.

Ông Hoàng Hải T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Lan T phải chịu 60.402.204 (sáu mươi triệu bốn trăm lẻ hai nghìn hai trăm lẻ bốn) đồng.

Ông Hoàng Hải T phải chịu 60.402.204 (sáu mươi triệu bốn trăm lẻ hai nghìn hai trăm lẻ bốn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 32.347.600 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0024575 ngày 08/11/2017 và số AA/2017/0025700 ngày 11/7/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hoàng Hải T còn phải nộp 28.054.604 (hai mươi tám triệu không trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm lẻ bốn) đồng.

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Lan T không phải chịu, hoàn lại số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0026172 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7;
- TAND Quận 7;
- UBND Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Thiên Hương